

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/DS - PT

Ngày: 08/5/2020

V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ngọt

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLPT- DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2019/DS – ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2020/QĐ – PT ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970;

2. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Nguyễn Văn B (văn bản ủy quyền đề ngày 14/10/2019).*

Bà T và ông B có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn B.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:*

Từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 4 năm 2017, bà T có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông B, bà T1. Hai bên thỏa thuận khi nào heo xuất chuồng thì thanh toán tiền thức ăn (khoảng 4 tháng), khi giao thức ăn mỗi bên giữ một sổ theo dõi. Trong quá trình mua bán với nhau, rất nhiều lần ông B, bà T1 không thanh toán đúng như thỏa thuận nên từ tháng 4 năm 2017, bà T không còn bán thức ăn cho ông B nữa. Tính đến ngày 12/9/2018 vợ chồng ông B, bà T1 còn nợ tiền thức ăn là 146.720.000 đồng. Bà T nhiều lần đòi ông B, bà T1 trả nợ nhưng ông bà chỉ hứa khi nào có tiền sẽ trả mà không xác định thời điểm trả cụ thể. Nay bà T yêu cầu ông B, bà T1 liên đới trả số tiền thức ăn là 146.720.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 12/9/2018 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 08/11/2019) với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Nếu ông B, bà T1 đồng ý trả nợ theo phương thức trả nợ sau thì bà không yêu cầu tính lãi: Ngày 01/01/2020 (âl) trả 50.000.000 đồng, trong thời hạn 6 tháng sau phải trả đủ số nợ còn lại là 96.720.000 đồng.

*Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông B và bà T1 là vợ chồng, việc giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi heo với bà T như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, do mấy năm gần đây heo bị bệnh, chết nên vợ chồng ông mới không có khả năng thanh toán tiền thức ăn chăn nuôi heo cho bà T. Tính đến ngày 12/9/2018, vợ chồng ông còn nợ tiền thức ăn của bà T là 146.720.000 đồng, sau đó vợ chồng ông không có trả tiền cho bà T nữa do chờ bò nuôi lớn bán được tiền thì mới có khả năng trả tiền cho bà T. Nay ông đồng ý trả số tiền 146.720.000 đồng cho bà T và xin được miễn tiền lãi do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Phương thức trả nợ như sau: Ngày 01/01/2020 (âl) trả 50.000.000 đồng, ngày 01/10/2020 (âl) trả tiếp 50.000.000 đồng, trong thời hạn 10 tháng sau trả đủ số nợ còn lại.

*Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2019/DS – ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên:*

Căn cứ vào các Điều 440, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị T1 phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc là 146.720.000 đồng và tiền lãi là 17.049.000 đồng, tổng cộng là 163.769.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/11/2019, ông Nguyễn Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: không đồng ý trả tiền một lần và không đồng ý trả tiền lãi theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Ông B xin trả dần theo phương thức ngày 01/01/2020 trả 50 triệu, ngày 01/10/2020 trả tiếp 50 triệu, 10 tháng sau trả đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T chỉ đồng ý phương thức trả dần của ông B như sau: Ngày 30/6/2020 dương lịch trả 50.000.000 đồng và ngày 30/12/2020 dương lịch phải trả hoàn tất số nợ còn lại là 96.720.000 đồng, nếu ông B đồng ý thì bà T tự nguyện không yêu cầu vợ chồng ông B, bà T1 trả tiền lãi suất 17.049.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, ông B đồng ý trả nợ theo trình bày của bà T tại phiên tòa phúc thẩm và đồng ý nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: ông Nguyễn Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý trả tiền một lần số tiền nợ 146.720.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi 17.049.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Ông B xin trả dần số nợ 146.720.000 đồng như sau: ngày 01/01/2020 trả 50 triệu, ngày 01/10/2020 trả tiếp 50 triệu, 10 tháng sau trả đủ số tiền còn lại là 46.720.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B và bà T tự thỏa thuận thống nhất về việc vợ chồng ông B, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 146.720.000 đồng cho bà T, thời hạn trả chia làm 02 (hai) lần như sau: Ngày 30/6/2020 dương lịch trả 50.000.000 đồng và đến ngày 30/12/2020 dương lịch phải trả hoàn tất số nợ còn lại là 96.720.000 đồng. Bà T tự nguyện không yêu cầu vợ chồng ông B, bà T1 trả tiền lãi suất 17.049.000đ, ông B đồng ý nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Vì vậy, xem như kháng cáo của ông B được chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa

bản án sơ thẩm theo hướng: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều chỉnh lại phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho phù hợp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn B và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T và bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày thống nhất: Đến ngày 12/9/2018, vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Huỳnh Thị T1 còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi của bà Nguyễn Thanh T là 146.720.000 đồng. Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà T1 liên đới trả số nợ này và tiền lãi. Vợ chồng ông B cũng đồng ý trả số tiền nêu trên nhưng xin trả dần (ngày 01/01/2020 trả 50 triệu; ngày 01/10/2020 trả tiếp 50 triệu và 10 tháng sau trả đủ số tiền còn lại 46.720.000 đồng) và không đồng ý trả tiền lãi. Tòa sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị T1 phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền 146.720.000 đồng và tiền lãi 17.049.000 đồng, tổng cộng 163.769.000 đồng là có căn cứ.

[2] Ông B kháng cáo không đồng ý trả nợ một lần và không đồng ý trả tiền lãi theo bản án sơ thẩm đã tuyên, ông B xin trả dần số nợ 146.720.000 đồng như sau: ngày 01/01/2020 trả 50 triệu đồng, ngày 01/10/2020 trả tiếp 50 triệu đồng, 10 tháng sau trả đủ số tiền còn lại là 46.720.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B và bà T thỏa thuận thống nhất như sau: Bà T đồng ý về việc vợ chồng ông B, bà T1 liên đới trả cho bà số nợ 146.720.000 đồng. Thời hạn trả là 02 (hai) lần (ngày 30/6/2020 trả 50.000.000 đồng và đến ngày 30/12/2020 dương lịch trả hoàn tất số nợ còn lại là 96.720.000 đồng). Bà T tự nguyện không yêu cầu vợ chồng ông B, bà T1 liên đới trả số tiền lãi suất 17.049.000 đồng nên ghi nhận. Nhận thấy, nội dung thỏa thuận phù hợp một phần nội dung kháng cáo của ông B, nên xem như một phần kháng cáo của ông B là có căn cứ được chấp nhận. Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là do sự tự nguyện của các bên đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông B; sửa bản án

sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do bà T không yêu cầu vợ chồng ông B, bà T1 trả tiền lãi, chỉ yêu cầu vợ chồng ông B, Tuyết trả cho bà T số tiền nợ 146.720.000 đồng, nên điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho phù hợp; vợ chồng ông B, bà T1 phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch là 146.720.000 đồng x 5% = 7.336.000 đồng.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông B không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2019/DS – ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 440, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị T1 liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc là 146.720.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Thời hạn trả được chia làm 02 (hai) lần cụ thể:

- Lần I: Trả 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) vào ngày 30/6/2020 dương lịch.

- Lần II: Trả 96.720.000 đồng (chín mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) vào ngày 30/12/2020 dương lịch.

3. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thanh T không yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Huỳnh Thị T1 liên đới trả số tiền lãi 17.049.000 đồng (mười bảy triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị T1 phải liên đới chịu án phí là 7.336.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thanh T số tiền 4.002.000 đồng (bốn triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005522 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

**3. Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Nguyễn Văn B không phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007604 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn Ngọt**